

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 9 – 2020
*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yên Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Chiêu**

2. Bà **Nguyễn Hồng Lành**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Bảo Tr**, sinh năm 1996; Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Minh V**, sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Võ Hồng H**, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

3.2. Ông **Nguyễn Văn T** (Tên gọi khác: Lý T), sinh năm 1952; Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2020, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Bảo Tr trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh V có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/6/2015. Chị và anh V đã ly thân từ tháng 11/2019 đến nay do sống chung không hợp. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 01 người con chung là Trần Thị San N, sinh ngày 17/10/2015, hiện đang sống với anh V. Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu được nuôi con chung. Tuy nhiên, hiện nay cháu N đang sống với anh V và phát triển tốt nên chị yêu cầu giao con chung cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu hủy hợp đồng cổ đất với ông Võ Hồng H diện tích 01 công tầm cây với giá là 07 chỉ vàng 24K và ông Nguyễn Văn T diện tích 1,5 công tầm cây với giá là 12 chỉ vàng 24K, yêu cầu ông H và ông T trả lại cho vợ chồng chị tổng cộng là 19 chỉ vàng 24K để vợ chồng chị chia đôi. Tuy nhiên, ngày 01/7/2012 chị xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung của chị tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2020. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

**** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Trần Minh V trình bày:***

Về hôn nhân: Anh thống nhất về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn và ly thân như chị Tr trình bày. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Tr có 01 người con chung như chị Tr trình bày là đúng. Khi ly hôn anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh đồng ý việc chị Tr rút yêu cầu chia tài sản chung. Anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

**** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hồng H trình bày:***

Ông đồng ý việc chị Tr rút yêu cầu hủy hợp đồng cổ đất với ông. Ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

**** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:***

Ông đồng ý việc chị Tr rút yêu cầu hủy hợp đồng cổ đất với ông. Ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: xét thấy chị Tr và anh V có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị Tr và anh V là hợp pháp. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn, anh V

đồng ý ly hôn. Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Tr được ly hôn với anh V.

+ Về con chung: Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Trần Thị San N, sinh ngày 17/10/2015 cho anh V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Tr không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Tr.

+ Về án phí: Chị Tr phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh V, anh V đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị Tr, anh V, ông H, ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Tr và anh V tự nguyện sống chung từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh V là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên chị Tr và anh V đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị Tr và anh V không sống chung với nhau mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, nay chị Tr yêu cầu ly hôn anh V đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị Tr và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr được ly hôn với anh V.

[4] Về con chung: Chị Tr và anh V thống nhất có 01 người con chung là Trần Thị San N, sinh ngày 17/10/2015, hiện đang sống với anh V. Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay cháu N sống cùng với anh V nên cháu N đã quen với lối sống, sinh hoạt cùng với anh V. Chị Tr và anh V đều xác định hiện cháu N phát triển tốt, anh V có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị Tr đồng ý giao con chung cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng. Từ đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr: Giao cháu Trần Thị San N, sinh ngày 17/10/2015 cho anh V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Anh V xác định có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Ngày 01/7/2012 chị Tr xin rút lại yêu cầu hủy hợp đồng cổ đất với ông Võ Hồng H diện tích 01 công tằm cấy với giá là 07 chỉ vàng 24K và ông Nguyễn Văn T diện tích 1,5 công tằm cấy với giá là 12 chỉ vàng 24K, yêu cầu ông H và ông T trả lại cho vợ chồng chị Tr tổng cộng là 19 chỉ vàng 24K để vợ chồng chị Tr chia đôi. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Xét thấy việc xin rút một phần đơn khởi kiện của chị Tr là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Tr. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Các đương sự khác không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Bảo Tr được ly hôn với anh Trần Minh V.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị San N, sinh ngày 17/10/2015 cho anh Trần Minh V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Nguyễn Bảo Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị Nguyễn Bảo Tr yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa vợ chồng chị Nguyễn Bảo Tr với ông Võ Hồng H và ông Nguyễn Văn T. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Bảo Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị Tr đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.426.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0009424 ngày 15/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí và chị Tr còn được nhận lại 1.126.000 đồng.

Các đương sự khác không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được Nêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly